

## THỰC TIỄN 10 NĂM ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 29/NQ-TW

Trần Minh Hiếu

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

Email: tm.hieu@hcmussh.edu.vn

**Tóm tắt:** Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã ghi nhận những bước phát triển quan trọng. Bài viết này phân tích những thành tựu đạt được cũng như những thách thức còn tồn tại, từ đó đưa ra các nhận định và đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục tại Việt Nam. Nghiên cứu chỉ ra rằng hệ thống giáo dục đã có nhiều tiến bộ rõ rệt về chất lượng giảng dạy, phương pháp giáo dục, cơ sở vật chất và đào tạo nguồn nhân lực. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề cần giải quyết, bao gồm sự bất đồng bộ trong triển khai, chất lượng đào tạo chưa đồng đều và sự tham gia của cộng đồng chưa thực sự hiệu quả. Để đạt được mục tiêu đổi mới toàn diện trong tương lai, cần có những giải pháp đột phá và đồng bộ hơn.

**Từ khóa:** Đổi mới giáo dục, Nghị quyết số 29/NQ-TW, giáo dục Việt Nam, thực tiễn, chất lượng giáo dục.

### A DECADE OF PRACTICAL IMPLEMENTATION OF THE FUNDAMENTAL AND COMPREHENSIVE INNOVATION IN EDUCATION AND TRAINING IN ACCORDANCE WITH RESOLUTION NO. 29/NQ-TW

Tran Minh Hieu

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University – Ho Chi Minh City

Email: tm.hieu@hcmussh.edu.vn

**Abstract:** After 10 years of implementing Resolution No. 29-NQ/TW, dated November 4, 2013, by the Central Committee of the Communist Party of Vietnam, which aims at fundamental and comprehensive reform of education and training to meet the requirements of industrialization and modernization under the socialist-oriented market economy and international integration, Vietnam has made significant progress. This paper analyzes the achievements as well as the existing challenges, providing insights and proposals to further enhance the effectiveness of education in Vietnam. The research indicates that the education system has seen notable improvements in teaching quality, educational methods, infrastructure, and human resource training. However, there are still some issues that need addressing, including uneven implementation, inconsistent training quality, and insufficient community involvement. To achieve the goal of comprehensive reform in the future, more breakthrough and coordinated solutions are necessary.

**Keywords:** Educational innovation, Resolution No. 29/NQ-TW, Vietnamese education, practical implementation, education quality.

Nhận bài: 16/03/2025

Phản biện: 13/04/2025

Duyệt đăng: 17/04/2025

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo ngày càng trở thành yếu tố quyết định sự phát triển bền vững và khả năng cạnh tranh của mỗi quốc gia. Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của giáo dục đối với sự phát triển toàn diện, vào ngày 4/11/2013, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Qua đó, quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Nghị quyết là giáo dục và đào tạo phải là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp chung của Đảng, Nhà nước và toàn dân. Đầu tư vào giáo dục

không chỉ là đầu tư cho hiện tại mà còn là chiến lược lâu dài cho sự phát triển bền vững của đất nước, và vì thế, giáo dục luôn được ưu tiên hàng đầu trong các chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Trước khi Nghị quyết được ban hành, hệ thống giáo dục và đào tạo của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế và yếu kém đáng kể, chẳng hạn như chất lượng giáo dục chưa đồng đều, chương trình giảng dạy chưa gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thực tiễn, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu và quản lý giáo dục còn nhiều bất cập. Những vấn đề này đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiến hành đổi mới toàn diện và căn bản

hệ thống giáo dục và đào tạo.

Để giải quyết những hạn chế đó, Nghị quyết số 29-NQ/TW đã đề ra một loạt mục tiêu và giải pháp cụ thể. Trước hết, nghị quyết nhấn mạnh mục tiêu xây dựng một nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, với phương châm “dạy tốt, học tốt, quản lý tốt” và môi trường giáo dục lành mạnh. Cụ thể hơn, nghị quyết đặt ra các mục tiêu sau: cải thiện chất lượng giáo dục toàn diện, không chỉ nâng cao kiến thức mà còn phát triển các khía cạnh đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho người học. Tiếp theo, nghị quyết đề ra yêu cầu đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin một cách mạnh mẽ trong quá trình dạy và học, đồng thời kết nối giáo dục với thực tiễn cuộc sống và nhu cầu của thị trường lao động. Bên cạnh đó, nghị quyết cũng yêu cầu nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm đủ số lượng, chất lượng và cấu trúc hợp lý để đáp ứng yêu cầu của quá trình đổi mới. Cuối cùng, nghị quyết đặc biệt chú trọng đến việc cải thiện cơ sở vật chất và nguồn lực cho giáo dục, thông qua việc đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trường học và đảm bảo các điều kiện thiết yếu cho hoạt động dạy và học. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2023)

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Những thành tựu nổi bật sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngành giáo dục và đào tạo đã đạt được những bước phát triển quan trọng nhờ vào sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt, sự nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp đã đóng vai trò quyết định trong việc thúc đẩy các cải cách toàn diện. Từ đó, tạo ra một nền tảng vững chắc không chỉ bảo đảm sự phát triển bền vững cho hệ thống giáo dục mà còn đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển của xã hội và yêu cầu hội nhập quốc tế.

Một là, hệ thống cơ chế và chính sách đã được hoàn thiện đồng bộ và toàn diện, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của ngành giáo dục. Trải qua nhiều năm triển khai, hệ thống giáo dục và đào tạo của Việt Nam đã chứng kiến sự tiến bộ rõ rệt trong việc hoàn thiện cơ chế và chính sách. Các quy định đã được rà soát, ban hành và sửa đổi để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các hoạt động đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đặc biệt, Luật Giáo dục đại học năm 2018 và Luật Giáo dục năm 2019 đã luật hóa nhiều nội dung của Nghị quyết số

29-NQ/TW, giúp tháo gỡ các “nút thắt” pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục. Các điều khoản chi tiết trong Luật Giáo dục 2019, đặc biệt là việc xây dựng một hệ thống giáo dục quốc dân mở, liên thông từ giáo dục chính quy đến giáo dục thường xuyên, đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập (Quốc hội, 2019).

Hai là, công tác phổ cập giáo dục mầm non đã hoàn thành, cùng với việc duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Theo Báo cáo Tóm tắt Giáo dục Việt Nam năm 2022, tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học ở nước ta đạt rất cao, lên đến 98%, gần đạt mục tiêu phổ cập tiểu học toàn quốc. Tuy nhiên, vẫn còn sự phân biệt giữa các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau, điều này phản ánh sự cần thiết phải có chính sách hỗ trợ phù hợp để bảo đảm cơ hội học tập bình đẳng cho mọi trẻ em. Tỷ lệ hoàn thành cấp học của trung học cơ sở đã đạt mức 87%, tuy nhiên, tỷ lệ học sinh hoàn thành trung học phổ thông giảm xuống chỉ còn 59% (O’Connell et al., 2022). Điều này chứng tỏ rằng, dù có những tiến bộ đáng kể, nhưng vẫn còn rất nhiều thách thức trong việc duy trì và nâng cao tỷ lệ hoàn thành giáo dục phổ thông ở các bậc học tiếp theo.

Ba là, công tác tổ chức thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục đã có những bước tiến quan trọng. Sự chuyển đổi từ đánh giá kiến thức sang đánh giá năng lực đã mang lại hiệu quả tích cực, đặc biệt là việc tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM từ năm 2018. Đây không chỉ là phương thức tuyển sinh mà còn là công cụ để định hướng học tập toàn diện cho học sinh trung học phổ thông. Cải cách thi tốt nghiệp trung học phổ thông đã giải quyết nhiều vấn đề tồn tại lâu nay, như tình trạng học lệch và học tủ. Việc tổ chức thi ngay tại địa phương, không còn tập trung nhiều đợt vào các thành phố lớn như trước đây, đã giúp giảm bớt áp lực thi cử và chi phí cho xã hội.

Bốn là, chất lượng giáo dục phổ thông đã được nâng tầm và quốc tế ghi nhận, đặc biệt là qua thành tích nổi bật của học sinh Việt Nam trong các kỳ thi quốc tế. Học sinh tham gia các kỳ thi Olympic quốc tế đã đạt được 49 huy chương vàng trong giai đoạn 2016-2020, gấp đôi so với số huy chương vàng của giai đoạn 2011-2015 (Thu Phương & Huyền Thanh, 2021). Thành tích này không chỉ chứng tỏ sự tiến bộ vượt bậc trong chất lượng đào tạo mà còn phản ánh sự nỗ lực không ngừng của ngành giáo dục Việt Nam trong việc

nâng cao năng lực học tập của học sinh. Những kết quả này không chỉ thể hiện sự tiến bộ trong học thuật mà còn cho thấy khả năng cạnh tranh mạnh mẽ của học sinh Việt Nam trên đấu trường quốc tế.

Năm là, việc thúc đẩy tự chủ đại học đã có bước tiến rõ rệt, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tại các cơ sở giáo dục đại học. Mô hình quản trị đại học tại Việt Nam đã có những thay đổi đáng kể, với việc củng cố quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học. Đến năm 2022, 154 trong tổng số 170 cơ sở giáo dục đại học công lập đã hoàn thành việc thành lập Hội đồng trường theo quy định của Luật số 34/2018/QH14 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP. Điều này không chỉ phản ánh nỗ lực cải cách quản trị hiệu quả mà còn nâng cao chất lượng giáo dục đại học tại Việt Nam. (Hồng Hạnh, 2022)

Lần đầu tiên, Việt Nam đã có 4 cơ sở giáo dục đại học lọt vào top 1.000 trường đại học tốt nhất thế giới. Mặc dù số lượng này vẫn còn khiêm tốn, nhưng nó là một tín hiệu tích cực cho nền giáo dục Việt Nam trên bản đồ giáo dục toàn cầu. Đồng thời, nước ta có 11 cơ sở giáo dục đại học thuộc danh sách 500 trường đại học hàng đầu Châu Á, chứng tỏ sự tiến bộ rõ rệt về chất lượng giáo dục đại học và nâng cao vị thế của giáo dục Việt Nam trên trường quốc tế.

Sáu là, việc áp dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số trong ngành giáo dục đã diễn ra mạnh mẽ và rộng rãi. Các phương pháp dạy học trực tuyến qua internet và truyền hình đã trở nên phổ biến, đặc biệt trong giai đoạn giãn cách xã hội nhằm phòng, chống dịch Covid-19. Việc áp dụng công nghệ thông tin đã giúp giảm tải cho hệ thống giáo dục trong thời kỳ dịch bệnh, đồng thời tạo ra môi trường học tập linh hoạt, dễ dàng tiếp cận cho học sinh và sinh viên (Trung tâm Truyền thông Giáo dục, 2022). Toàn bộ quy trình từ đăng ký thi, nộp nguyện vọng xét tuyển, đến thủ tục nhập học đều được thực hiện trực tuyến, tạo sự tiện lợi và đồng bộ cho tất cả thí sinh.

Tuy nhiên, dù đạt được nhiều thành tựu ấn tượng, ngành giáo dục Việt Nam vẫn phải đối mặt với không ít thách thức và bất cập. Một số cơ sở giáo dục vẫn gặp khó khăn trong việc duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo do thiếu nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất. Cơ chế tự chủ đại học cũng gặp phải nhiều trở ngại, như sự chưa đồng bộ trong quản lý và hạn chế khả năng tự chủ tài

chính của nhiều trường. Hệ sinh thái khởi nghiệp dù đã phát triển nhưng vẫn cần thêm sự hỗ trợ từ các bên liên quan để đảm bảo tính bền vững và hiệu quả lâu dài. Môi trường pháp lý và cơ chế chính sách cũng cần tiếp tục được hoàn thiện để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

## 2.2. Định hướng thúc đẩy đổi mới

Một là, hoàn thiện hệ thống pháp lý và chính sách. Đây là một trong những định hướng mang tính đột phá, yêu cầu tăng cường đổi mới công tác quản lý giáo dục và quản trị nhà trường. Cần chú trọng vào việc nâng cao chất lượng và hiệu quả quản trị, đồng thời đẩy mạnh phân cấp và ủy quyền. Việc thực hiện tự chủ cùng với trách nhiệm giải trình cần được triển khai mạnh mẽ, phát huy vai trò của các nhà lãnh đạo tại các cơ sở giáo dục và đào tạo cũng như ở các địa phương (Trung tâm Truyền thông Giáo dục, 2021). Đặc biệt, cần hoàn thiện cơ chế chính sách để các trường đại học thực hiện tự chủ toàn diện, bao gồm tự chủ tài chính, nhân sự và chương trình đào tạo, giúp các trường linh hoạt hơn trong việc đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và nâng cao chất lượng đào tạo.

Hai là, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo cũng như cải thiện trình độ và năng lực của đội ngũ người dạy học (giáo viên, giảng viên) và cán bộ quản lý giáo dục. Chương trình giảng dạy cần được thiết kế lại để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội và thị trường lao động, với sự nhấn mạnh vào kỹ năng mềm và khả năng tư duy sáng tạo của học sinh, sinh viên. Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên cũng cần được ưu tiên, bảo đảm đội ngũ giáo viên đủ năng lực và kỹ năng để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Một giải pháp quan trọng là thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo sư phạm và các địa phương trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đảm bảo đào tạo gắn liền với nhu cầu sử dụng thực tế.

Ba là, tăng cường và quy hoạch mạng lưới cơ sở vật chất và nguồn lực hỗ trợ. Đầu tư vào cơ sở vật chất là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng giáo dục. Cần tiếp tục xây dựng mới và nâng cấp các cơ sở giáo dục, đặc biệt là ở các khu đô thị, khu công nghiệp và các vùng kinh tế - xã hội khó khăn. Mỗi địa phương cần có đủ trường lớp để đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Bên cạnh đó, cần rà soát, sắp xếp và tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh. Cũng cần khắc

phục tình trạng nhiều điểm trường lẻ, trường học có quy mô nhỏ và thiếu trang thiết bị dạy học cơ bản.

Bốn là, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Cần hỗ trợ khởi nghiệp trong các trường đại học thông qua việc xây dựng các trung tâm hỗ trợ người học, trung tâm khởi nghiệp và giới thiệu việc làm. Điều này sẽ tạo ra môi trường thuận lợi cho sinh viên và giảng viên thực hiện các dự án khởi nghiệp. Đồng thời, cần đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức giáo dục và nghiên cứu quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm và tiếp cận nguồn lực quốc tế. Đặc biệt, cần tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về việc tăng cường học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

### III. KẾT LUẬN

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, giáo dục Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, từ việc nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến phương pháp giảng dạy đến việc hiện đại hóa cơ sở vật chất. Tuy nhiên, quá trình đổi

mới vẫn đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là sự bất đồng đều trong chất lượng giáo dục giữa các khu vực và sự thiếu hụt nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất. Để đạt được mục tiêu đổi mới toàn diện, cần triển khai các giải pháp đột phá, hoàn thiện hệ thống chính sách và tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp và tổ chức xã hội, tạo ra một môi trường giáo dục hiện đại, chất lượng và bền vững. Nghiên cứu này đã làm rõ những thành tựu và thách thức trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, đồng thời đưa ra các định hướng quan trọng nhằm thúc đẩy quá trình đổi mới giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế. Để tiếp tục phát triển, cần nghiên cứu sâu hơn về các giải pháp cụ thể cho từng cấp học, tác động của công nghệ thông tin trong giảng dạy và mô hình hợp tác giữa giáo dục, doanh nghiệp và xã hội. Đây là những hướng nghiên cứu quan trọng giúp Việt Nam xây dựng một hệ thống giáo dục mạnh mẽ, đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững trong tương lai.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hồng Hạnh. (2022). Những con số ấn tượng về Tự chủ đại học. Báo điện tử Đại biểu Nhân dân. <https://daibieunhandan.vn/nhung-con-so-an-tuong-ve-tu-chu-dai-hoc-post303839.html>
- Quốc hội. (2018). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
- Quốc hội. (2019). Luật Giáo dục số 43/2019/QH14.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2023). Nghị quyết số 29/NQ-TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- O'Connell, T., Nguyễn Quỳnh Trang, Lê Anh Lan, & Hoàng Anh Nguyên. (2022). Báo cáo Tóm tắt Giáo dục Việt Nam. UNICEF Việt Nam. [https://data.unicef.org/wp-content/uploads/2023/02/MICS-EAGLE-FACTSHEET\\_VN-1.pdf](https://data.unicef.org/wp-content/uploads/2023/02/MICS-EAGLE-FACTSHEET_VN-1.pdf)
- Thu Phương, & Huyền Thanh. (2021). Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn đều được quốc tế đánh giá cao. Báo Công an Nhân dân. <https://cand.com.vn/giao-duc/Chat-luong-giao-duc-dai-tra-va-mui-nhon-deu-duoc-quoc-te-danh-gia-cao-i595670/>.
- Trung tâm Truyền thông Giáo dục. (2021). Tiếp tục thực hiện hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=7201>.
- Trung tâm Truyền thông Giáo dục. (2022). Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=8349>.